

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 528/2021/HS-PT

Ngày 10 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Hoàng Mạnh H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 321/2016/TLPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo P Thị Q và đồng phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. P Thị Q (tên gọi khác H) sinh năm 1980; nơi ĐKKTT tại thôn Vườn Đ, xã Thượng A, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q; nghề nghiệp: làm ruộng; dân tộc: Tày; T2 độ văn hóa: lớp 7/12; con ông P Thế K (đã chết) và bà Trần Thị T; chồng là Trần Quốc T1 (đã ly hôn) có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. P Thế T2 (tên gọi khác: H1) sinh năm 1983; nơi ĐKKTT: Thôn Vườn Đ, xã Thượng A, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q; nghề nghiệp: làm ruộng; dân tộc: Tày; T2 độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông P Thế K (đã chết) và bà Trần Thị T; vợ là Vi Thị T3 có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo P Thế T2, P Thị Q:** Luật sư Nguyễn Văn H1 - Cty luật TNHH MTV Thái H1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**** Người bị hại được triệu tập tham gia phiên toà:***

1. AnHN Nguyễn Văn T4, sinH năm 1972; trú tại: Xóm 7, xã Cù V, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

2. AnHT Trần Hữu V, sinH năm 1963 và chị Nguyễn Thị X, sinH năm 1971; đều trú tại Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q ; (anHV có mặt, chị X vắng mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinH năm 1975. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm G, xã Ký P1, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Lê Hồng Q, sinH năm 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 12, phường Nguyễn Thị Minh HK1, thành phố Bắc K1, tỉnh Bắc K1.

3. Ông Trần Văn Q, sinH năm 1972 (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm T6, xã Phục L, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Trần Mai B, sinH năm 1968 (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm S, xã Phục L, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ông Phạm Mạnh HV2, sinH năm 1958 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Vườn Đ, xã Thượng Âm, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q .

6. Ông Nguyễn H S2, sinH năm 1970. (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 9, phường Nguyễn Thị Minh HK1, thành phố Bắc K1, tỉnh Bắc K1.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Phạm Văn T7 không cáo kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Nguyên và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 6 năm 2014, thông qua sự giới thiệu của người khác, Nguyễn Văn H1 trú tại Xóm G, xã Ký P1, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên gọi điện và gặp Phạm Văn T7 bàn bạc hợp tác bán quặng wolfram (W03). Hai bên thống nhất: Phạm Văn T7 là người chuẩn bị mẫu quặng wolfram thật cho khách hàng xem và nguồn quặng wolfram, Nguyễn Văn H1 là người tìm khách hàng có nhu cầu mua quặng.

Sau đó, H gọi điện cho Lê Hồng Q, trú tại tổ 12, phường Nguyễn Thị Minh HK1, thành phố Bắc K1, tỉnh Bắc K1 hỏi xem có biết ai cần mua quặng wolfram thì giới thiệu. Lê Hồng Q đã thông qua Nguyễn H S2, trú quán: Tổ 9, phường Nguyễn Thị Minh HK1, thành phố Bắc K1; Trần Mai B trú tại Xóm S, xã Phục L, huyện Đại T5 và Trần Văn Q, trú tại: Xóm T6, xã Phục L, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên giới thiệu anHN Nguyễn Văn T4 trú tại Xóm 7, xã Cù V, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên có nhu cầu mua quặng wolfram. Sau nhiều lần trao đổi qua điện thoại, H và Q thống nhất giá bán quặng là

170.000đ/lkg nH1 thông báo giá bán cho anHT9 là 200.000đ/lkg quặng wolfram, phân chèn H lệ c H30.000đ/lkg Q được hưởng.

Qua trao đổi mua bán, anHT9 đề nghị đưa mẫu quặng wolfram để đi phân tích hàm lượng wolfram (W03). Nguyễn Văn H1 đã bảo Phạm Văn T7 chuyển mẫu quặng wolfram cho khách hàng xem, Phạm Văn T7 đã mua khoảng 300g mẫu quặng wolfram thật rồi bảo P Thị Q là bạn gái đem sang huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên đưa cho H. P Thị Q nhờ em trai là P Thế T2 điều khiển xe mô tô đưa đi để chuyển mẫu quặng theo yêu cầu của Thịnh. Trên đường đi, Q nói với T2 *“mang mẫu quặng cao độ cho anHH để cho khách hàng xem, nếu khách hàng đồng ý mua sẽ bán cho họ quặng có độ thấp hơn (tức là bán quặng không đúng với mẫu quặng đã cho họ xem)”*. Vì vậy, T2 đã biết rõ Thịnh, Q đang thực hiện hành vi lừa đảo bán quặng wolfram giả. Sau khi nhận mẫu quặng do Q và T2 chuyển đến anH Nguyễn Văn H1 chuyển mẫu quặng cho anH Trần Mai B để B chuyển cho anH Nguyễn Văn T4.

Ngày 19/6/2014 anH Nguyễn Văn T4 bàn bạc với anH Trần Hữu V, trú tại Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q thống nhất cùng góp vốn mua quặng wolfram rồi tiếp tục bán cho người khác kiếm lời. Để kiểm tra hàm lượng mẫu quặng, anH Nguyễn Văn T4 và anH Trần Hữu V đã chuyển mẫu quặng (do anHB nhận của H đưa cho) đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mỏ và luyện kim Thái Nguyên để phân tích hàm lượng, kết quả mẫu quặng này đạt 60,07% wolfram (W03). Do vậy, anHT9 liên lạc với Nguyễn Văn H1, Lê Hồng Q thống nhất mua 05 tấn quặng wolfram có chất lượng như đã đưa đi kiểm định với giá 200.000 đồng/kg.

Ngày 19/6/2014 Nguyễn Văn H1 thông báo cho Phạm Văn T7 biết anHT9 đã đồng ý mua quặng wolfram.

Để thực hiện hành vi lừa đảo, Phạm Văn T7 gọi điện cho Nguyễn Văn H đặt mua 05 tấn đá đen (có đặc điểm giống quặng Wolfram) để giả là quặng wolfram với giá 2.500đ/1kg, Hiệp đồng ý. Ngày 21/6/2014 Hiệp chở khoảng 9,5 tấn đá đen (đựng trong nhiều bao tải nhỏ) đến gửi nhà chị Hoàng Thị Hồng ở xóm Dầu C, xã Phú T8, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi tập kết xong số bột đá đen nói trên, Lê Hồng Q và Nguyễn Văn H1 hẹn anH Nguyễn Văn T4 chiều ngày 24/6/2014 sẽ giao hàng. Khoảng 14 giờ ngày 24/6/2014, anH Trần Hữu V và vợ là Nguyễn Thị X (Đ3) đến nhà anHQ, giao cho anHT9 900.000.000 đồng góp vốn mua quặng và chở anHT9 đến địa phận xóm 14, xã Cù V, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên. AnHT9 góp thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng và thỏa thuận với Lê Hồng Q, Trần Mai B, Trần Văn Q thống nhất mua 05 tấn quặng wolfram với giá 200.000đ/lkg. Để đảm bảo an T9 trong quản lý và thanh toán tiền mua hàng, anH Nguyễn Văn T4 đã gọi điện cho anH Trương Văn HanH trú tại xóm 10, xã Cù V, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên đến nhờ giữ hộ số tiền 1.000.000.000đ. AnHH4 điều khiển xe mô tô chở anHT9 đến nhà Trần Văn Q và gặp Trần Mai B đang ở đó, rồi T9 và B đi xe máy đến quán cà phê ThanHT11 (thuộc địa phận xóm 4, thị trấn H S, huyện Đại T5, tỉnh Thái

Nguyên) gặp Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q để đi xem hàng. H và Q đưa anHT9 đến nhà chị Hoàng Thị Hồng xem quặng, đến nơi thì đã có Q, T2, Hiệp đang ở đó. Tại đây, H được giới thiệu là bảo vệ công ty Núi P, Q là kế toán Công ty. Sau khi xem hàng xong, anHT9 gọi điện thoại cho AnHH4 ngồi cùng Hoa và B chờ khi T9 nhận hàng xong thì trả tiền.

AnHT9 thông nhất với Lê Hồng Q, Nguyễn Văn H1 việc mua bán 05 tấn quặng wolfram và trả tiền hàng khi hàng đã ra khỏi địa bàn huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên. Thỏa thuận xong, H và T2 quay lại quán cà phê ThanHT11 gặp AnHH4 lấy trước 70.000.000đ nói là để làm luật. AnHH4 đưa 70.000.000đ cho H, H đưa ngay số tiền này cho T2 cầm đi, T2 cầm tiền quay lại chỗ giao hàng đưa cho Q 30.000.000đ, rồi cùng Lê Hồng Q và Nguyễn Văn H cân 05 tấn bột đá đen, giả là quặng wolfram giao cho anHT9. Trước đó, Hiệp đã thuê 05 người để bốc vác hàng, sau khi bốc hàng xong, Q trả cho nhóm người được thuê bốc vác số tiền công là 2.500.000đ/5 người.

Giao nhận hàng xong, anHT9 và T2 áp tải hàng đi tỉnh Tuyên Q. Khi đến địa phận xã Yên Lãng, huyện Đại T5, tỉnh Thái Nguyên thì T2 gặp anHViệt, chị Xuân. T2 xuống xe, anHT9, anHV và chị X tiếp tục áp tải hàng đi Tuyên Q.

P Thị Q và Lê Hồng Q sau khi cân giao hàng xong thì đi đến quán cà phê ThanHTùng. Tại đây AnHH4 nhận được thông tin của anHT9 là đã nhận đủ hàng nên đã giao 930.000.000đ cho Nguyễn Văn H1 và P Thị Q rồi đi về. Nguyễn Văn H1 và P Thị Q cùng kiểm đếm tiền sau đó Nguyễn Văn H1 đưa cho Lê Hồng Q 150.000.000 đồng, P Thị Q đưa thêm 5.000.000đ cho Lê Hồng Q. Nguyễn Văn H1 và P Thị Q ở lại quán cà phê và gọi điện cho ThịnH đến để chia tiền. Theo ThịnH khai thì ThịnH được Nguyễn Văn H1 chia cho 380.000.000 đồng. Chia tiền xong, ThịnH và Q đón T2 đi về tỉnh Tuyên Q. ThịnH đã thanH toán tiền mua hàng và cho thêm Nguyễn Văn H tổng số là 73.500.000 đồng; Lê Hồng Q đưa cho Nguyễn Văn B 35.000.000đ, B đưa lại cho QuỳnhH 7.000.000đ.

Khi anHT9, anHViệt, chị X chở số quặng đến địa phận thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q thì bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Tuyên Q và Đội quản lý thị trường số 1 thành phố Tuyên Q kiểm tra và tạm giữ pHịện cùng số quặng là 107 bao có tổng trọng lượng 4.792kg.

Ngày 26/6/2014 Đội quản lý thị trường số 1 thành phố Tuyên Q đã tiến hành giám định H chất lượng khoáng sản đối với số quặng thu giữ trên tại Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim thuộc Bộ Công TH. Ngày 03/7/2014 Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim trả lời mẫu quặng gửi giám định H gồm có thành phần W03 là 0,05%, Sn là 0,12%, Fe 36,85% và TiO2 là 50,77%.

Sau khi biết số quặng wolfram mua của Nguyễn Văn H1, P Thị Q và Lê Hồng Q là quặng wolfram giả, không đúng như mẫu quặng thỏa thuận ban đầu nên anH Nguyễn Văn T4 và anH Trần Hữu V đã làm Đơn tố cáo hành H vi lừa

đảo của Nguyễn Văn H1, Lê Hồng Q và P Thị Q tại Công an huyện Đại T5 tỉnh Thái Nguyên.

Đội quản lý thị trường số 1 thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q đã bàn giao số bột đá đen trên cho cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá T2 điều tra, Phạm Văn T8, Nguyễn Văn H, P Thị Q, P Thế T2 thừa nhận hành vi nêu trên. Ngoài ra, Phạm Văn T7 còn khẳng định: Người chủ mưu, đặt vấn đề mua bán quặng giả và tham gia từ đầu là Nguyễn Văn H1, việc bàn bạc ban đầu chỉ có Thịnh và H. Khi chia tiền tại nhà chị gái H, chỉ có H và Thịnh, Q. Thịnh được H chia cho 380.000.000đ còn H cầm 400.000.000đ, khoảng 01 đến 02 ngày sau, Q xin H thêm được 10.000.000đ.

Nguyễn Văn H1 khai nhận không được bàn bạc với Phạm Văn T7 việc lừa đảo bán quặng wolfram giả và không biết số quặng bán cho anh Nguyễn Văn T4 là quặng wolfram giả mà H chỉ bàn bạc với Thịnh để bán quặng wolfram thật. Sau khi bán hàng xong, H nhận được số tiền là 40.000.000đ, khi biết xe ô tô chở quặng của anh T9 bị bắt, theo yêu cầu của Thịnh và Q, H đã chuyển lại cho Phạm Văn T7 10.000.000đ và giữ lại 30.000.000đ chứ không được cầm số tiền như Thịnh khai. Khi trao đổi mua bán với Q, H không nói với Q đó là quặng giả.

Ngày 30/7/2014, Nguyễn Văn H đã giao nộp cho cơ quan điều tra số bột đá đen còn lại chưa bán được gồm 91 bao có trọng lượng 4.550kg. Cơ quan điều tra đã lấy mẫu và đề nghị Công ty TNHH Núi Pháo phân tích hàm lượng quặng. Kết quả phân tích xác định mẫu bột đá thu giữ của Nguyễn Văn H có hàm lượng: Quặng wolfram (W03) = 0,02%; CaF₂ = 0,41%; Cu = 0,010%; Bi = 0,010%; Fe = 33,8%.

Quá T2 điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Phạm Văn T8, P Thị Q và P Thế T2 thông qua người nhà nộp số tiền là 396.500.000đ; Nguyễn Văn H nộp 73.500.000đ; Trần Văn Q nộp 7.000.000 đồng và Trần Mai B nộp 28.000.000 đồng, Lê Hồng Q nộp 118.000.000đ, Nguyễn Hồng Sơn nộp 2.000.000đ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại số tiền 625.000.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 26/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T8, P Thị Q, Nguyễn Văn H, P Thế T2 (tức H1) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Q, T2)

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T7 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2014.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo P Thị Q 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo P Thế T2 (tức H1) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 604, 605, 608, 616 và Điều 305 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Buộc Nguyễn Văn H1 phải nộp 30.000.000đ để trả anHN Nguyễn Văn T4 3.000.000đ; trả anH Trần Hữu V và chị Nguyễn Thị X 27.000.000đ.

- Buộc các bị cáo Phạm Văn T8, P Thị Q, Nguyễn Văn H, P Thế T2 phải liên đới bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 345.000.000 đồng, cụ thể:

+ Mỗi bị cáo phải bồi thường anH Trần Hữu V và chị Nguyễn Thị X 77.625.000đ;

+ Mỗi bị cáo phải bồi thường anHN Nguyễn Văn T4 số tiền là 8.625.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2019, bị cáo P Thị Q, P Thế T2 kháng cáo T9 bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm của anHN Nguyễn Văn H1 và anH Lê Hồng Q.

Ngày 03/4/2019 bị hại anH Trần Hữu V và chị Nguyễn Thị X kháng cáo đề nghị truy tố trước pháp luật Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị điều tra tìm giúp chúng tôi số tiền gần 400 triệu đang nằm trong túi ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy T9 bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Cơ quan điều tra để điều tra truy tố thêm đối với Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo P Thị Q, P Thế T2 có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo P Thị Q, P Thế T2 là đúng người, đúng tội nH1 mức hình phạt quá nghiêm khắc và cấp sơ thẩm bỏ lọt người phạm tội là Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q.

Luật sư cho rằng Nguyễn Văn H1 là người chủ mưu, cầm đầu và phạm tội rất tích cực như gợi ý, bàn bạc với Phạm Văn T7 về việc lừa bán quặng Vonfram thay bằng bột đá đen; H là người mặc cả giá, kiểm tra hàng, chỉ đạo giao hàng, nhận tiền và trực tiếp kiểm đếm tiền đồng thời H là người chia tiền cho các bị cáo khác; Lê Hồng Q cũng rất tích cực trong việc giới thiệu khách hàng, làm giá, nói dối khách hàng Q (H) là Kế toán Công ty, Hiệp là bảo vệ công ty Núi Pháo, Hoa là em gái của Sếp to ở Công ty Núi Pháo, nhờ H thuyết phục Sếp mới cho bán 05 tấn quặng... và Q được hưởng 155.000.000 đồng trong số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được của người bị hại. Bởi vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy T9 bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Cơ quan điều tra để điều tra truy tố thêm đối với Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, T9 diện vụ án nên có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; H và Q để, xử lý đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục hủy án để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét thẩm vấn công khai và kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, T9 diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1) và bị hại anHTrần Hữu V, chị Nguyễn Thị X (Đông), đảm bảo về hình thức, trong hạn luật định được xem xét theo T2 tự phúc thẩm.

1.2. HànHvi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá T2 điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T2 tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá T2 điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có khiếu nại về hànHvi, quyết định của Cơ quan của cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, về việc thiếu tài liệu 8 bút lục (từ 590 đến 598) trong hồ sơ vụ án; Điều tra viên phải giải T2 là do đánh nhầm số thứ tự bút lục; có khiếu nại về hànHvi về hànHvi bỏ lọt đồng phạm đối tượng Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q; bản án phúc thẩm số: 423/2017/HSPT ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra để xem xét bỏ lọt đồng phạm đối tượng Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q. Sau đó Tòa án sơ thẩm đã hoàn trả hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, điều tra lại; Tuy nhiên quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại công văn số: 155/VKS-P2 ngày 07/4/2020 là “ tại Tr .. không đủ căn cứ để xử lý đối tượng H, Q ...”. Theo Điều 298 BLTTHS năm 2015 qui định về giới hạn của việc xét xử: “Tòa án xét xử những bị cáo và hànHvi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử”. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm (lần 2) là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. HànHvi phạm tội của các bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1): Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, những tài liệu bổ sung tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay, thấy có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1) cùng đồng phạm thực hiện hànHvi gian dối trong việc bán 05 tấn quặng cho anHNguyễn Văn T4 và anHTrần Hữu V, chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng.

HànHvi của các bị cáo P Thị Q, P Thế T2 đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là hànHvi nguy hiểm cho xã hội, hànHvi ấy thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm sứt mẻ lòng tin giữa con người và con người, gây ảnh hưởng đến đạo đức xã hội. HànHvi của các bị cáo đã bị xét xử

tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 (áp dụng thêm Điều 54 đối với bị cáo Q, T2) Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P Thị Q 07 (bảy) năm tù và xử phạt bị cáo P Thế T2 (tức H1) 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo các bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1) và bị hại lại tiếp tục kháng cáo, tiếp tục đề nghị hủy án sơ thẩm (lần 2) vì bỏ lọt hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H1, Lê Hồng Q. Riêng bị hại kháng cáo thêm về phần dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

3.1. Nội dung kháng cáo của các bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1) và bị hại anH Trần Hữu V, chị Nguyễn Thị X (Đông), đều có chung nội dung là đề nghị hủy án sơ thẩm vì bỏ lọt hành vi phạm tội của hai đối tượng là Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q (như kháng cáo bản án sơ thẩm lần 1), xét thấy: Diễn biến của cả quá trình T2 các bị cáo liên hệ tìm khách mua hàng, đưa mẫu hàng thật cho khách giám định khi bán hàng thì lại dùng hàng khác không phải là mẫu đưa cho khách đi giám định; việc tập kết hàng, thỏa thuận giá bán, giao nhận hàng, áp tải hàng đến địa phận tỉnh Tuyên Q và chia tiền đều có sự tham gia tích cực, chủ động Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q cùng có sự tham gia của Phạm Văn T8, P Thị Q, P Thế T2 và Nguyễn Văn H; đồng thời có bị hại là anH T9, cùng vợ chồng Việt, Xuân cũng trực tiếp tham gia khi nhận hàng mẫu, thỏa thuận về giá mua bán, nơi giao nhận, nơi giao nhận thanh toán tiền. Những diễn biến cụ thể hành vi của Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q đã được Bản án hình sự phúc thẩm số: 423/2017/HSPT ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, chỉ ra, trích dẫn nội dung các bút lục, phân tích và đánh giá được chứng minh cụ thể từng hành vi khi tham gia của Nguyễn Văn H1 và Lê Hồng Q là đồng phạm được thể hiện qua các tài liệu sau:

Tại bút lục số 504, 506a bị cáo P Thị Q khai:

"Lúc đầu thì H và Thịnh trao đổi bàn với nhau... ngày 24/6/2014 H phân công tôi là người đến chỗ để hàng và giao hàng còn H có trách nhiệm đưa khách đến và thanh toán tiền. Trong vụ này có tôi, H, Thịnh, Hiệp, T2 tham gia.

Trước khi thực hiện hành vi lừa đảo ngày 24/6/2014... tôi được trao đổi, bàn bạc trực tiếp với H và cả trao đổi qua điện thoại về việc lừa bán quặng Vonfram giả cho khách hàng với việc cho khách hàng xem mẫu là quặng Vonfram thật còn bán thì bán quặng vonfram giả cho khách hàng.

Việc nhận tiền là do H nhận... H đem đưa cho Q 150.000.000 đồng sau đó H đưa cho tôi cầm túi tiền về nhà chị gái của H ... Thịnh đến, H và Thịnh cùng nhau chia số tiền lừa được còn tôi không được chia đồng nào".

Tại Bút lục 506 Lê Hồng Q khai:

"Tôi xác định ngày 24/6/2014 tại quán cà phê của chị H... anH là người trực tiếp nhận số tiền là 930.000.000 đồng từ việc bán quặng.

AnHH đưa cho tôi 150.000.000 đồng, tiền này là tiền chênh lệch bán quặng... sau đó Q đưa thêm tôi 5.000.000 đồng".

Tại bút lục số 510, 511 Phạm Văn T7 khai có nội dung khi biết giá Von Fram thật giá quá cao bán sẽ không có lãi thì H đã gợi ý lấy loại hàng khác có hình thức giống với quặng Von Fram thật: *"Tôi bảo với H giá thế thì không thể làm được và H bảo nghe đâu có loại giống lắm anh có biết không? Tôi bảo ở ngay trong Phú Thịn đây cũng có (tôi nói như vậy là loại quặng Ti tan chứ không phải là quặng Von Fram). Tôi nghĩ H nói khác mua là người Trung Quốc, còn biết là người Việt Nam tôi không giới thiệu H bảo có thì đưa khác Trung Quốc về thì anh em bán. Tôi và H biết quặng như vậy không phải là quặng Von Fram xong không ai nói gì cả....Tôi (Thịnh) xác định việc mua bán quặng Von Fram giả ngày 24/6/2014... thì H nói là người Trung Quốc mua nên sau đó là người Việt Nam tôi bảo không làm được nên ngày 24/6/2014 tôi không có mặt giao dịch mua bán. Việc tổ chức mua bán đó do anh H, Q, anh Hiệp, em T2 tiến hành... tôi khẳng định anh H biết quặng bán hôm đó là quặng Von Fram giả (vì quặng anh Hiệp là quặng Von Fram giả)".*

Ngoài ra tại các bút lục số 530, 531, 532, 533, 539a, 540, 543a, 544a Phạm Văn T7 đều khẳng định Nguyễn Văn H1 biết quặng bán cho anh T9 là Von Fram giả và quá T2 H và Thịn trao đổi việc mua bán hàng giả thì Thịn can ngăn nên H nói cứ yên trí, khi sự việc lừa đảo bị bại lộ H còn trăn trở anh Thịnh; *"Sau 10 ngày... Hiệp gọi điện cho tôi nói là có Trường xóm và người mua hàng đến tìm Hiệp, có thể bị phát hiện rồi, tôi liền gọi cho H thì H bảo là sợ cái gì, em là người trực tiếp bán còn chẳng sợ, nếu Công an gọi thì em sẽ có cách giải quyết"* (BL 545b)

Tại các bút lục 559 bị cáo Nguyễn Văn H khai: Ngày 23/6/2014 khoảng 14 giờ Thịn gọi điện cho Hiệp ra kho để kiểm tra hàng *"khi tôi ra đến nhà Xuân Hồng thì đã thấy có Thịnh, Q, H1 và H có mặt ở đây. sau đó tôi nhờ bà Hồng chủ nhà mở khóa phòng để Thịnh, Q, H1, H vào kiểm tra bên trong gian phòng kho đó có tổng 195 bao bột đá đen do tôi vận chuyển ra từ ngày 21/6/2014, kiểm tra xong mọi người ra về"*

"Trước ngày bốc hàng thì vào chiều ngày 23/6/2014 anh Thịnh, chị Q anh H có đến kho để xem hàng và thống nhất giá cả với tôi..."

"...Thịn gọi điện lại cho tôi, Thịn nói là đã gọi điện cho H về việc này nên H bảo là tôi đứng ra bán tôi còn không lo, các ông lo gì".

Tổng hợp các lời khai của bị cáo Phạm Văn T8, lời khai của bị cáo P Thị Q (H) lời khai của Lê Hồng Q, Nguyễn Văn H, P Văn T2 (H1) và lời khẳng định của P Thị Q thì có đủ cơ sở khẳng định có việc Phạm Văn T7 và Nguyễn Văn H1 bàn bạc việc mua bán quặng Von Fram thật không có lãi thì H gợi ý và trao đổi, thống nhất với Thịn là dùng quặng Ti tan có hình thức giống với quặng Von Fram để lừa đảo khác hàng; H là người tham gia kiểm tra hàng trước khi giao, phân công người cân giao hàng, trực tiếp nhận tiền và đếm tiền bán hàng đồng thời H là người chia tiền cho Lê Hồng Q,

Phạm Văn T8. Do đó H có vai trò quyết định trong việc mua bán quặng giá này.

Đối với Lê Hồng Q, tại bút lục 518 anHN Nguyễn Văn T4 khai: Q giới thiệu vợ mình là em gái Sếp to ở Núi pháo, phải cho vợ đi để thuyết phục Sếp cho bán 05 tấn quặng... giá 240.000 đồng/kg là có phiếu xuất kho... H chở anHT9, Q đi xem hàng ở kho... H bảo hàng đã chuyển ra kho ngoài... Q nói: thuê 200m² đất làm kho... Q giới thiệu H(Q) là kế toán, H1 là công nhân Núi Pháo, Hiệp là Thủ kho.

Từ các lời khai của các bị cáo và Lê Hồng Q đều khẳng định HN Nguyễn Văn H1 là người gọi khách mua hàng, người nhận tiền, kiểm đếm tiền sau khi giao hàng và chia tiền cho Phạm Văn T8.

Ngoài ra, đối với nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm (lần 2) trùng lặp với nội dung kháng cáo (lần 1), vấn đề này: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau thụ lý để xét xử phúc thẩm (lần 2), trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo và bị hại lại tiếp tục có đơn tố cáo các cụ thể những người tiến hành tố tụng và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có 2 công văn, cụ thể: Công văn số: 2989/TANDCC ngày 28/4/2020 (lần 1) và Công văn số 6740/2020/TANDCC ngày 09/9/2020 (lần 2) gửi Cơ quan điều tra - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Sau đó vụ án được tạm đình chỉ. Tuy nhiên, những nội dung trên, không được Cơ quan điều tra - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phúc đáp. Trên cơ sở quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại công văn số: 155/VKS-P2 ngày 07/4/2020 là “tại Tr .. không đủ căn cứ để xử lý đối tượng H, Q ...” Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, có công văn số 213/VC1 - HS ngày 20/9/2021, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đưa vụ án ra xét xử vì lý do tạm đình chỉ không còn.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày hôm nay, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án và đề nghị tiếp tục hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, thời gian thụ lý vụ án chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã lâu, để đảm bảo tiến độ giải quyết án, tránh oan trái. Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo thẩm quyền, theo đúng quy định của pháp luật về giới hạn xét xử của Tòa án, đồng thời Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc điều tra vụ án về cơ bản cũng đã đầy đủ, để tránh lặp lại như vòng tố tụng thứ nhất. Do đó, không cần thiết tiếp tục hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, xem xét lại những quan điểm trái chiều, khác nhau trong giai đoạn điều tra và truy tố để thống nhất trong việc áp dụng pháp luật và để giải quyết đối với các vụ án tương tự.

3.2. Trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Nguyễn Văn H1 là người nhận và kiểm đếm tiền hàng, chia tiền cho các bị cáo khác thì ngoài số tiền các bị cáo khác khai nhận, NH1 án sơ thẩm không buộc số

tiền còn thiếu cho Nguyễn Văn H1 phải chịu trách nhiệm. Trong phạm vi hồ sơ và tiền T2 xét xử vụ án này và do Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại công văn số: 155/VKS-P2 ngày 07/4/2020 là “ tại Tr .. không đủ căn cứ để xử lý đối tượng H, Q ...”, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của Nguyễn Văn H1 chỉ cầm 30.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu 375.000.000 đồng, ngoài số tiền H thừa nhận thì cần buộc các bị cáo Phạm Văn T8, P Thị Q (H), P Văn T2 (H1), phải liên đới bồi thường là phù hợp và cũng đã đảm bảo quyền lợi cho bị hại

Từ nhận định trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo P Thị Q (H), P Thế T2 (H1) và bị hại anHTrần Hữu V, chị Nguyễn Thị X (Đông); không chấp nhận ý kiến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị tiếp tục hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo P Thị Q (H), bị cáo P Thế T2 (H1) và bị hại anHTrần Hữu V, chị Nguyễn Thị X (Đ). Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2019/HSST ngày 26/ 3/ 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo P Thị Q (H), bị cáo P Thế T2 và bị hại ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị X (Đông).

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 (áp dụng thêm Điều 54 đối với bị cáo Q, T2) Bộ luật hình sự năm 2015;

1.1.1. Xử phạt bị cáo P Thị Q (H) 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.1.2. Xử phạt bị cáo P Thế T2 (tức H1) 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Phạm Văn T8, bị cáo P Thị Q (H), bị cáo P thế T2 (H1) phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 345.000.000 đồng (ba bốn trăm triệu đồng), cụ thể:

2.1. Mỗi bị cáo bồi thường cho anHTrần Hữu Việt và chị Nguyễn Thị X (Đông) số tiền 103.500.000 đồng (một trăm linh ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2.2. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho anH Nguyễn Văn T4 số tiền là 11.500.000 đồng

2.3. Buộc Nguyễn Văn H1 phải nộp 30.000.000 đồng, để trả anHTrần Hữu V và chị Nguyễn Thị X 27.000.000 đồng (hai bảy triệu đồng); Trả cho anHNNguyễn Văn T4 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[3]. Án phí: Bị cáo P Thị Q (H), bị cáo P Văn T2 (H1), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh